

Số: 59/2021/QĐST- DS

K, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 158/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Lê Phước T1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã T2, huyện T3 A, tỉnh G.

Ông **Lê Văn K1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 201C khu vực H, phường T4, quận R, thành phố T.

Đại diện uỷ quyền của bị đơn: Ông **Đặng Văn B**, sinh năm 1977 (theo giấy uỷ ngày 05/10/2021).

Địa chỉ: 67 khu vực H1, phường T6, quận R, thành phố T.

** Bị đơn:* Bà **Lê Thị Thúy H2**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 9B6 C1, khu vực 6, phường K2, quận K, thành phố T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Minh P**

Địa chỉ: 201C khu vực H, phường T4, quận R, thành phố T.

Đại diện uỷ quyền của bị đơn: Ông **Đặng Văn B**, sinh năm 1977 (theo giấy uỷ ngày 05/10/2021).

Địa chỉ: 67 khu vực H1, phường T6, quận R, thành phố T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Phước T1, ông Lê Văn K1, bà Lê Minh P và bà Lê Thị Thúy H2 thống nhất thoả thuận như sau:

- Ông Lê Phước T1, ông Lê Văn K1, bà Lê Minh P thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất với bà Lê Thị Thúy H2 về việc chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thúy H2 quyền sử dụng diện tích 102,9m² đất – phần A (loại đất CLN) theo bản trích đo địa chính số 30/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở tài nguyên môi trường thành phố T lập ngày 04/10/2021, thuộc một phần thửa đất số 1873, tờ bản đồ số 07A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 721553, 721552 (số vào sổ cấp GCN: CS11721) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố T cấp ngày 13/11/2020, do ông Lê Phước T1 và ông Lê Văn K1 đứng tên đồng sở hữu, địa chỉ thửa đất tại đường Cặp sông RBé, khu vực H, phường T4, quận R, thành phố T. Phần đất còn lại của thửa đất số 1873, tờ bản đồ số 07A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 721553, 721552 (số vào sổ cấp GCN: CS11721) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố T cấp ngày 13/11/2020 thuộc sở hữu của ông Lê Văn K1 và bà Lê Minh P.

- Công nhận quyền sở hữu diện tích 102,9m² đất – phần A (loại đất CLN) theo bản trích đo địa chính số 30/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở tài nguyên môi trường thành phố T lập ngày 04/10/2021, thuộc một phần thửa đất số 1873, tờ bản đồ số 07A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 721553, 721552 (số vào sổ cấp GCN: CS11721) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố T cấp ngày 13/11/2020, do ông Lê Phước T1 và ông Lê Văn K1 đứng tên đồng sở hữu, địa chỉ thửa đất tại đường Cặp sông RBé, khu vực H, phường T4, quận R, thành phố T cho bà Lê Thị Thúy H2 (*kèm theo bản trích đo địa chính số 30/TTKTTNMT ngày 04/10/2021 của Trung tâm kỹ thuật – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố T*).

- Bà Lê Thị Thúy H2 có trách nhiệm tiếp tục trả cho ông Lê Phước T1 số tiền còn lại là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Thời gian và cách trả tiền do bà H2 và ông T1 tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được ông T1 có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bà Lê Thị Thúy H2 thi hành xong nghĩa vụ với ông Lê Phước T1 thì ông Lê Văn K1, bà Lê Minh P và bà Lê Thị Thúy H2 được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1873, tờ bản đồ số 07A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số đất số CX 721553,

721552 (số vào sổ cấp GCN: CS11721) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố T cấp ngày 13/11/2020 để đứng tên riêng cho ông Lê Văn K1, bà Lê Minh P và bà Lê Thị Thúy H2.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Thúy H2 phải chịu án phí tiếp tục thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng và án phí thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn ông T1 là 1.250.000 đồng. Nguyên đơn ông Lê Phước T1, ông Lê Văn K1 đồng ý nộp thay án phí cho bị đơn bà H2. Nguyên đơn ông Lê Phước T1, ông Lê Văn K1 đã tạm ứng án phí 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 003533 ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận K, thành phố T được chuyển thành án phí.

Về chi phí tố tụng: bị đơn phải chịu 5.000.000 đồng, nguyên đơn ông Lê Phước T1 tự nguyện nộp thay bị đơn, nguyên đơn đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG